TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **230**/2020/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 25 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu: *"Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Bà **Trương Thanh T**, sinh năm: 1990; Trú tại: Số 03 đường Đ, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng.

+ Ông **Mai Công C**, sinh năm: 1981; Trú tại: Số 14 đường M, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Mai Công C và bà Trương Thanh T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào cuối năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận N, TP. Đà Nẵng theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số I/2013, cấp ngày 24/4/2013. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà T ở địa chỉ: Số 03 đường Đ, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Vợ chồng ông bà đã nói chuyện với nhau nhiều lần để hàn gắn nhưng không có kết quả làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Công C và bà Trương Thanh T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông C và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông C và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông C và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông C và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định có 02 con chung là: Mai Hoàng Ngọc H, sinh ngày: 30/9/2013 và Mai Hoàng Thiên B, sinh ngày: 02/8/2017. Thuận tình ly hôn, ông Mai Công C và bà Trương Thanh T thỏa thuận thống nhất giao con chung Mai Hoàng Ngọc H cho ông Mai Công C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Mai Hoàng Ngọc H đủ 18 tuổi. Giao con chung Mai Hoàng Thiên B cho bà Trương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Mai Hoàng Thiên B đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung của ông Mai Công C và bà Trương Thanh T là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Mai Công C và bà Trương Thanh T.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Mai Công C và bà Trương Thanh T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006348 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Công C và bà Trương Thanh T**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Mai Công C và bà Trương Thanh T nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 23, quyển số: I/2013 do Ủy ban nhân dân phường K, quận N, TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/4/2013 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định có 02 con chung là: Mai Hoàng Ngọc H, sinh ngày: 30/9/2013 và Mai Hoàng Thiên B, sinh ngày: 02/8/2017. Thuận tình ly hôn, ông Mai Công C và bà Trương Thanh T thỏa thuận thống nhất giao con chung Mai Hoàng Ngọc H cho ông Mai Công C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Mai Hoàng Ngọc H đủ 18 tuổi. Giao con chung Mai Hoàng Thiên B cho bà Trương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Mai Hoàng Thiên B đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Mai Công C và bà Trương Thanh T xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Mai Công C và bà Trương Thanh T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006348 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND P. K; Q. N, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Anh Dũng